

Số: /QĐ-UBND

Lưu Kiếm, ngày tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường dây và TBA 110kV Bắc Sông Cẩm 2 tại phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG LƯU KIỂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về Giá đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai và trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 77/2025/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế phối hợp trong công tác bồi

thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 17/3/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND thành phố về Quy định Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của UBND thành phố về ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của UBND thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định 528/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 196/2025/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ công văn số 4514/SXD-QHKT ngày 30/8/2024 của Sở Xây dựng về việc thỏa thuận phương án tuyến Dự án "Đường dây và TBA 110kV Bắc Sông Cấm 2";

Căn cứ Quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-EVNNPC ngày 17/9/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc Phê duyệt Dự án Đường dây và TBA 110kV Bắc Sông Cấm 2;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thông qua các dự án, công trình phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố;

Căn cứ các Thông báo của Ủy ban nhân dân phường Lưu Kiếm về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường dây và TBA 110kV Bắc Sông Cấm 2;

Căn cứ Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Lưu Kiếm về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Đường dây và TBA 110kV Bắc Sông Cấm 2 tại phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 11/8/2026 về việc phê duyệt giá gạo tẻ để lập phương án hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn phường Lưu Kiếm quý III năm 2026;

Trên cơ sở trích lục nguồn gốc đất, danh sách nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống do phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường xác lập và thẩm định; kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản, công trình vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng; Phương án bồi thường, hỗ trợ do Trung tâm Dịch vụ Sự nghiệp công phường lập được phòng Kinh tế; phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Lưu Kiếm thẩm định;

Xét đề nghị của phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 65/TTr-XDNN&MT ngày 04/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường dây và TBA 110kV Bắc Sông Cấm 2, bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường dây và TBA 110kV Bắc Sông Cấm 2:

1.1. Tổng diện tích thu hồi là: 2.899,4 m², cụ thể:

Diện tích đất nông nghiệp được giao lâu dài theo Quyết định số 03/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố: 1.112,6 m².

Diện tích thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, được sử dụng theo hợp đồng để trồng cây hằng năm, nuôi trồng thủy sản: 1.786,8 m².

Việc xác định bồi thường, hỗ trợ đối với từng loại diện tích nêu trên phải căn cứ nguồn gốc, điều kiện và đối tượng theo quy định; diện tích thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích không tính bồi thường về đất.

1.2. Tổng số hộ được bồi thường, hỗ trợ: **21 hộ**

1.3. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án là: **1.458.403.784 đồng**

(Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu bốn trăm lẻ ba nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng chẵn)

Trong đó:

- Kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB:	1.337.995.784 đồng
+ Bồi thường về đất và hỗ trợ về đất:	376.922.000 đồng
+ Bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu:	17.212.690 đồng
+ Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc:	18.259.694 đồng
+ Các khoản hỗ trợ:	925.601.400 đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	120.408.000 đồng

(Có Danh sách tổng hợp chi tiết ban hành kèm theo)

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với 21 hộ dân có đất thu hồi *(Có phương án chi tiết của các hộ dân kèm theo)*.

3. Thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ và chi phí hành chính: Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày Quyết định này được ban hành, Chủ đầu tư Tổng công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC) có trách nhiệm:

- Chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng vào tài khoản số **3741.0.1166830.92001** của Trung tâm Dịch vụ Sự nghiệp công phường Lưu Kiếm tại Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng Giao dịch số 2: **1.337.995.784 đồng**.

- Chuyển kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng vào tài khoản số **3742.0.1172684.00000** của phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Lưu Kiếm tại Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng Giao dịch số 2: **21.150.000 đồng**.

- Chuyển kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng vào tài khoản số **3742.0.1166830.00000** của Trung tâm Dịch vụ Sự nghiệp công phường Lưu Kiếm tại Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng Giao dịch số 2: **99.258.000 đồng**.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Trung tâm Dịch vụ Sự nghiệp công phường Lưu Kiếm phối hợp với phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng đảm bảo đúng tiến độ.

2. Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Sự nghiệp công phường Lưu Kiếm phổ biến, niêm yết công khai Quyết định phê duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Lưu Kiếm và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; trường hợp hộ dân không nhận Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản.

3. Phòng Văn hoá - Xã hội phường có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của phường.

4. Các hộ gia đình, cá nhân và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện phương án đã được phê duyệt; nhận tiền và bàn giao đất theo tiến độ, kế hoạch chi trả và bàn giao mặt bằng được thông báo, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Sự nghiệp công phường Lưu Kiếm, Trưởng phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT. ĐU; TT.HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, (Đ.V.Hồng).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Huy Hoàng

DANH SÁCH CÁC HỘ DÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2026
của Chủ tịch UBND phường Lưu Kiếm)

TT	Họ và tên	Địa chỉ (TDP)	Diện tích (m ²)	Tổng số tiền (VND)	Ghi chú
1	Ông Vũ Văn Ước	Đông Sơn	700,9	111.564.190	
2	Ông Nguyễn Văn Hưng	Đông Sơn	36,0	37.674.000	
3	Bà Vũ Thị Khánh	Đông Sơn	132,6	115.145.400	
4	Bà Vũ Hồng Ánh	Đông Sơn	29,4	28.287.600	
5	Bà Vũ Thị Tình	Đông Sơn	71,0	67.994.000	
6	Bà Nguyễn Thị Thuyên	Đông Sơn	18,5	20.556.500	
7	Hộ ông Phạm Văn Chúc (ông Phạm Văn Chúc đã chết), con trai Phạm Văn Đức sử dụng	Đông Sơn	92,5	157.341.500	
			91,0		
8	Hộ ông Nguyễn Văn Quân (ông Nguyễn Văn Quân đã chết), vợ là Vũ Thị Minh	Đông Sơn	29,2	32.036.800	
9	Bà Bùi Thị Thơm	Đông Sơn	128,7	111.912.300	
10	Bà Hoàng Thị Sìn	Đông Sơn	35,7	43.950.300	
11	Bà Lê Xuân Định	Đông Sơn	43,8	42.835.200	
12	Ông Nguyễn Văn Tĩnh	Thiên Đông	87,1	81.340.900	
13	Ông Vũ Văn Thảo	Thiên Đông	248,1	208.413.900	
14	Bà Nguyễn Thị Thuần	Thiên Đông	18,5	23.129.500	
15	Ông Phạm Đức Duy	Thiên Đông	208,7	34.961.000	
16	Ông Phạm Chung Hậu	Thiên Đông	211,4	32.702.000	
17	Ông Nguyễn Văn Hiệu	Trúc Sơn	244,2	46.502.565	
18	Ông Vũ Viết Thắng	Trúc Sơn	20,7	8.428.500	
19	Ông Vũ Phương Kỳ	Trúc Sơn	247,4	57.045.130	
20	Hộ ông Lê Văn Chung (ông Lê Văn Chung đã chết), bà Nguyễn Thị Thuần sử dụng	Trúc Sơn	50,5	45.779.500	
21	Ông Tạ Hữu Hiếu	Trúc Sơn	23,4	30.395.000	
			130,1		

Tổng	1.337.995.784	
Kinh phí bồi thường, hỗ trợ chi trả trực tiếp cho hộ dân:	1.337.995.784	
Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	120.408.000	
Tổng cộng:	1.458.403.784	